

PHƯƠNG NGỮ NAM BỘ TRONG TIỂU THUYẾT “CON NHÀ NGHÈO” CỦA HỒ BIỂU CHÁNH (XÉT TRÊN BÌNH DIỆN NGỮ ÂM VÀ TỪ VỰNG)

■ ThS. NGUYỄN THỦY ĐIỂM (*)

TÓM TẮT

Phương ngữ Nam Bộ là một dạng biến thể địa phương của ngôn ngữ toàn dân, thường được các nhà văn vận dụng một cách khéo léo để tái hiện một cách chân thật, sống động hiện thực xã hội và mang tác phẩm đến gần hơn với độc giả. Hồ Biểu Chánh là một trong số những tác giả đặc biệt thành công trong lĩnh vực này. Trong bài viết này, người viết sẽ khảo sát, thống kê phương ngữ Nam Bộ trong tiểu thuyết “Con nhà nghèo” của Hồ Biểu Chánh trên hai phương diện ngữ âm và từ vựng để thấy rằng ông đã góp phần làm phong phú thêm cho ngôn ngữ toàn dân bằng chính vốn phương ngữ của mình.

Từ khóa: Phương ngữ, Nam Bộ, Hồ Biểu Chánh, Con nhà nghèo

SUMMARY

Southern dialect is a form of local variation of the universal language, often used skillfully by writers to reproduce honestly, lively social reality and bring works closer to readers. Ho Bieu Chanh is one of the most successful authors in this field. In this article, the writer will examine and statistics the Southern dialect in Ho Bieu Chanh's novel “Con nha ngheo” in both phonetic and vocabulary to see that he contributed to enrich the universal language by the capital of its own dialect.

Key words: dialect, Southern, Ho Bieu Chanh, Con nha ngheo

1. Mở đầu

Phương ngữ Nam Bộ là biến thể ngôn ngữ mang đặc trưng của vùng đồng bằng sông nước, là một nét văn hóa đặc sắc về phương thức sinh hoạt, giao tiếp, ứng xử của con người nơi đây. Việc khai thác giá trị của phương ngữ Nam Bộ trong tác phẩm đã làm nên tên tuổi của không ít tác giả như Bình Nguyễn Lộc, Sơn Nam, Nguyễn Quang Sáng, Nguyễn Thi, Đoàn Giỏi, Anh Đức, Nguyễn Ngọc Tư, Dạ Ngân... nhưng người đi đầu phải kể đến nhà văn Hồ Biểu Chánh. Với tần số xuất hiện khá dày đặc, phương ngữ Nam Bộ giúp tiểu thuyết của tác giả này đi vào lòng người bởi ngôn từ bình dân, gần gũi, dễ cảm nhận, trong đó có thể kể đến tác phẩm “Con nhà nghèo” (1930).

2. Nội dung

2.1. Khái niệm phương ngữ Nam Bộ

Về khái niệm phương ngữ Nam Bộ, có nhiều cách lý giải khác nhau từ các nhà nghiên cứu, đáng chú ý là:

Tác giả Huỳnh Công Tín định nghĩa về phương ngữ Nam Bộ như sau: “*Phương ngữ Nam Bộ là tiếng nói của người dân Nam Bộ, là biến thể địa phương hoặc biến thể xã hội của ngôn ngữ. Như vậy, phương ngữ Nam Bộ được hiểu là biến thể địa lí của ngôn ngữ toàn dân*” [6; 40].

Theo nhóm tác giả Nguyễn Như Ý, Đặng Ngọc Lệ, Lê Xuân Thành thì: “*Phương ngữ Nam Bộ là một dạng từ ngữ địa phương của vùng đất Nam Bộ. Nó thể hiện cách nói, cách sử dụng từ ngữ, kiểu phát âm riêng của con người Nam Bộ*” [7; 145].

Tóm lại, các tác giả đã đưa ra nhiều ý kiến, nhận định về phương ngữ Nam Bộ nhưng các khái niệm trên đều nhất trí ở chỗ: Phương ngữ Nam Bộ là những từ địa phương chỉ được dùng ở một vùng, miền nhất định mang tính đặc trưng, có phạm vi sử dụng hẹp và có nhiều điểm khác biệt so với ngôn ngữ toàn dân.

(*) Trường Đại học Lạc Đ



2.2. Một số biểu hiện của phương ngữ Nam Bộ trong tiểu thuyết “Con nhà nghèo” của Hồ Biểu Chánh

2.2.1. Về ngữ âm

Lớp từ có biến thể ngữ âm là lớp từ thể hiện rõ nhất nét ngôn ngữ đặc trưng của người Nam Bộ. Đó là những từ có cách phát âm chệch đi so với ngôn ngữ toàn dân. Qua khảo sát, ta có thể thấy lớp từ này có số lượng ít hơn rất nhiều (32 từ, chiếm 19,88%) so với lớp từ vựng địa phương Nam Bộ mà Hồ Biểu Chánh sử dụng trong tác phẩm (129 từ, chiếm 80,12%). Tuy nhiên, chúng vẫn có giá trị rất cao vì đã làm cho tác phẩm trở nên gần gũi và dễ đi vào lòng độc giả. Trong sáng tác của Hồ Biểu Chánh, nét biến thể ngữ âm được thể hiện nhiều nhất với hai hình thức: biến thể phụ âm đầu và biến thể phần vần. Trong tiểu thuyết “Con nhà nghèo”, hiếm thấy hiện tượng biến thể phụ âm đầu mà đa số là biến thể phần vần. Những từ đơn âm tiết chiếm số lượng không nhỏ:

Biến thể ngữ âm trong phương ngữ Nam Bộ	Ngữ âm toàn dân tương ứng
Bính	Bệnh
Bính	Bénh
Bính	Bảng
Bực	Bạc
Chon	Chân
Hội	Hạ
Giựt	Giật
Khum	Khom
Kiêng	Cánh

Bên cạnh đó còn có hiện tượng biến âm ở những từ lấy như:

Biến thể ngữ âm trong phương ngữ Nam Bộ	Ngữ âm toàn dân tương ứng
Chon chát	Chân chắt
Cóm róm	Cúm rùn
Thiệt thà	Thật thà

Đôi khi ông còn sử dụng thành ngữ dân gian một cách sáng tạo trong nét biến thể ngữ âm. Trong tác phẩm “Con nhà nghèo”, cô Ba Nhân nói với quan Kinh lý Hai: “*Quan Kinh lý nói phải lắm, song con gái đồng nó chon chát thiệt thà. Sợ không có đũa nào xứng đáng làm bà Kinh lý chớ.*” [2; 229]. Việc sử dụng thành ngữ *chon chát thiệt thà* vừa mang nét chân quê vốn có, vừa thể hiện sự thân thiết, gần gũi mà *chân chát thật thà* không có được.

2.2.2. Về từ vựng

Phương ngữ Nam Bộ có một kho từ vựng cực kỳ phong phú. Số lượng từ vựng địa phương Nam Bộ được Hồ Biểu Chánh sử dụng rất nhiều, chỉ riêng “Con nhà nghèo” đã có tới khoảng 129/161 từ (chiếm 80,12%), đặc biệt là từ lấy mang sắc thái ý nghĩa cụ thể hóa đồng thời cũng tăng thêm tính cường điệu mà tác giả muốn biểu đạt.

Lớp từ lấy mang tính địa phương	Từ toàn dân tương ứng
Bãi buổi	Có vẻ ân cần, thân thiện với người khác nhưng lòng không thật
Bồn chồn	Trạng thái không yên, lòng lo lắng, bồn chồn

Bơ bơ	Ngơ ngán, ngơ ngác
Bươm bả	Hối hả, vội vã, ở trạng thái khẩn trương nên có biểu hiện bơ phờ, xóc xếch
Bản thân đã dươn	Ở trạng thái mệt mỏi, không muốn làm việc
Chồm hồm	Ngồi trên hai chân co, gập lại, mông không chạm đất
Dạ dĩ	Bạo, không biết sợ, không biết ngại ngùng
Đo de	Tiếng trẻ con mới tập nói
Lãng chảng	Xõ rởi, vẩn vơ
Lãng xãng	Quản quít, chộn rộn với ai đó
Lưu nhưu liti nhít	Đông đúc

Bên cạnh đó còn có lớp từ đi kèm nhằm làm tăng sắc thái biểu cảm và sức thuyết phục của câu văn.

Lớp từ có yếu tố phụ đi kèm	Hiểu theo nghĩa chung
Buồn xo	Buồn hiu, bực lộ rõ trên nét mặt, như đang tiếc xối một điều gì đó.
Cười ngái	Cười
Đi tuốt	Đi không chú ý chuyện gì ở phía sau
Đó chạch	Đó
Đó lóm	Đó
Mừng quỳnh	Vui mừng
Nín khe	Nín hân, ngưng một cách đột ngột
Sung chủ vũ	Bộ phận trong cơ thể phòng to, gây đau

Ngoài ra còn có những danh từ chỉ những sự vật tồn tại trên mảnh đất này.

Những từ dùng để biểu thị tên gọi sự vật	Hiểu theo nghĩa chung
Cây bần	Còn gọi là cây thù liễu, loại cây mọc dựa mé nước, bông trắng, trái tròn và giẹp
Chuối xiêm	Loại chuối trái to, ngắn
Ghe cui	Thuyền ngắn, còn phần mũi và phần lái bằng, trông vững chắc
Thuốc rê	Thuốc lá dính thành từng bánh mỏng

Và còn có lớp từ ngữ dùng để xưng hô mà chỉ có người Nam Bộ mới sử dụng cách gọi như vậy.

Lớp từ xưng hô thông dụng	Hiểu theo nghĩa chung
Bà già tôi	Mẹ, u, bầm
Bảy trẻ	Đám trẻ, lũ trẻ, sắp nhỏ, sắp trẻ
Cha bảy trẻ	Một cách gọi mà người vợ dùng để gọi chồng
Má bảy trẻ	Má nó, tiếng gọi vợ một cách thân mật

Qua	khí vợ chồng đã có con Từ đùng đẽ lưng của người bậc trên khi nói với người vai em (nhỏ tuổi hơn mình) một cách thân mật.
-----	--

Trên đây là một số mặt khác biệt về từ vựng trong tiểu thuyết “Con nhà nghèo” của Hồ Biểu Chánh. Chính lớp từ vựng này đã góp phần tạo nên sự thành công cũng như giá trị của tác phẩm. Đây có thể nói là tác phẩm chịu ảnh hưởng sâu đậm nhất của nền văn hóa Nam Bộ. Ở đó có con người, cảnh vật và tính cách đặc trưng của người dân vùng sông nước phương Nam. Vẻ đẹp của họ toát lên từ những điều giản dị, chất phác, bình thường trong cuộc sống. Ngay cả cách đặt tên cho những người con trong gia đình cũng nói lên điều đó: Hai Bưởi, Ba Cam, Tư Lựu – tên gọi của con người chủ yếu là vào những gì gần gũi, thân quen trong cuộc sống hằng ngày mà định đặt. Hồ Biểu Chánh đã chọn lọc những cái hay này của người dân Nam Bộ mà xây dựng nên nhân vật trong tác phẩm của mình.

2.3. Cách vận dụng phương ngữ vào tiểu thuyết “Con nhà nghèo” của Hồ Biểu Chánh

2.3.1. Ngôn ngữ của tác giả

Để thể hiện tâm lòng yêu vùng đất phương Nam, khi viết về mảnh đất và con người Nam Bộ, Hồ Biểu Chánh như đã hóa thân vào tác phẩm của mình, cùng sống, cùng khóc, cùng cười và cùng trải trờ với từng câu chuyện.

Trước hết phải kể đến tài năng miêu tả của ông. Qua ngòi bút của mình, ông đã để cho cảnh vật và con người hiện ra hết sức chân thật và sinh động. “*Xóm đập Ông Canh nằm dựa bên Gò Công qua Mỹ Tho, ngang ngã ba tê vô lự Giữa, bây giờ nhà chen rất đông đảo. cây dưa mọc sum sê. Cái nhà việc cũ sùm sụp của làng hồi trước đã đổ bao giờ mà cất lại một tòa nhà mới, nền cao khổng khỏa, nóc phơi đỏ lỏm. Vài cái nhà lá tum hùm, cửa xịt xạt, vách tá tơi, hồi trước ở rải rác chung quanh đó cũng điêu tàn bao giờ, mà nhường chỗ lại cho hơn chục cái nhà khác, tuy cùng lợp bằng lá dứa, song cột kê táng, vách đóng be, coi rất đẹp đẽ thơ thối” [2; 5]*

Với những từ ngữ đầy hình ảnh, tác giả đã miêu tả sự đổi thay nhanh chóng của xóm đập Ông Canh. Qua cách quan sát của ông, bộ mặt của xóm này có sự phát triển đáng kể. Xưa kia đây là một nơi rất nghèo với cảnh điêu tàn, hoang sơ. Điều này được thể hiện qua từ chỉ sự âm thấp, đổ nát của nhà việc (sùm sụp), hay những từ chỉ sự nghèo khó, túng bần của người nông dân (tum hùm, xịt xạt, tá tơi). Bây giờ tất cả đã thay đổi. Mọi thứ đã được thế chỗ bằng sự no đủ, phồn thịnh với những từ chỉ sự tươi mới (đỏ lỏm), chỉ sự tươi tốt hơn (lợp bằng lá dứa, cột kê táng, vách đóng be), .. Việc miêu tả còn tỉ mỉ hơn nếu chúng ta bắt gặp những hình ảnh dưới đây: “*Trong xóm đập Ông Canh, ở phía sau nhà việc, có một cái nhà ba căn, cột bằng cây bần, nóc lợp lá xê, cửa cấp lá chằm, vách gài bằng tre, trước sân môi bên vút một đồng rơm, một bên trồng một cây me, sau hè chuối xiêm xơ xơ ít bụi, mía xanh diều ló nhỏ mấy đồng...” [2; 7]. Chỉ mỗi một căn nhà mà Hồ Biểu Chánh đã miêu tả thật chi tiết, từ trước ra sau, từ trong tới ngoài, làm cho người đọc cứ ngỡ ngôi nhà đó đang ở trước mặt mình.*

Ngôn ngữ miêu tả nhân vật cũng chân thật và sinh động không kém. Đó đúng là những con người mang đậm bản chất của vùng đồng bằng sông nước: “*Thằng Cu là trai ở xóm trên, mặt đen, môi dày, hàm răng thưa, chơn mày rậm, vóc trung trung, mà bộ tướng coi mạnh dạn lẫm. Nó mỗ coi cha mẹ mà cũng không có anh em chi hết. Năm nay nó được hai mươi ba tuổi rồi. Mẹ nó mả hồi nó được hai mươi tuổi Từ bấy đến nay nó ở ban cầm cây cho ông cả Tri.” [2; 18]. Đó là tướng mạo của một*

anh chàng "rất" nông dân, qua đây ta cũng đoán biết được anh ta là một người hiền lành, thật thà vô cùng. Hay khi miêu tả cô Tư Thục lúc hay tin cuộc hôn nhân của cô và quan Kinh lý không thành, ông viết: "*Cô Tư Thục tuy vóc lớn nhưng mà cô bó ăn bó ngủ trong mấy ngày thì có ốm teo như tàu lá, người xóp ve, đi ngá tới*" [2: 329]. "Ốm teo như tàu lá" có nghĩa là vừa ốm vừa xanh xao, yếu ớt; "xóp ve" chỉ vóc người gầy gộc, héo hon; "đi ngá tới" là đi không vững, lúc nào cũng chúi đầu về phía trước, có thể ngã bất cứ lúc nào. Hình dáng của một cô thiếu nữ đương xuân, vì bệnh tương tư mà tro nên tàn tạ như vậy thì thật là đáng thương biết bao nhiêu.

Đôi lúc lời của nhà văn còn là những nhận định hết sức sâu sắc. Đây là nhận xét của Hồ Biểu Chánh sau cuộc nói chuyện giữa cậu Hai Nghĩa và Thị Tỏ: "*Mấy lời đó thiệt là có ý tứ. Cậu nói cho Thị Tỏ vén lòng mà về, mà cậu không buộc cậu vào việc chi hết. Cậu nói thưng thưng huy là cậu nhìn con, hay là cậu nuôi con Lưu. Thị Tỏ thiệt thà không hiểu rõ chỗ xảo của cậu, nghe cậu nói êm mấy lời ấy thì tưởng là cậu xiêu lòng rồi. Chắc cậu sẽ chiều cô mẹ con con Lưu*" [2, 49]. Qua đó, tác giả đã vạch trần sự gian xảo của cậu Hai Nghĩa. Hẳn là tên giới võ mồm, cố nói ngon ngọt cho qua chuyện chứ không thật lòng thật dạ chi hết. Hoặc khi miêu tả con ghen của vợ Hai Hương, người đọc cứ tưởng chừng vợ sắp giết người chứ chẳng chơi: "*Lời bà Cai cất nghĩa tuy hữu lý nhưng mà không đi đuổi con ghen của vợ Hai Hương được, bởi vậy vợ ngồi tại góc ván, mặt còn đỏ phừng phừng, ngược còn nhảy đui đui*" [2; 57]. Chắc là vợ tức tởm, giận dữ quá nên mới có biểu hiện "mặt còn đỏ phừng phừng, ngược còn nhảy đui đui". Hai từ "đỏ phừng phừng, nhảy đui đui" đư sức làm toát lên tính nết của vợ. Những từ ngữ được sử dụng thật đắc địa, tài năng của tác giả cũng được thể hiện ở đây

Hồ Biểu Chánh sử dụng phương ngữ Nam bộ thật xác đáng và phù hợp trong tác phẩm của mình. Điều này chứng tỏ ông là một người am hiểu sâu rộng về cuộc sống cũng như sinh hoạt của người Nam Bộ, đặc biệt là ngôn ngữ của họ. Chính vì thế, những bức tranh mà ông vẽ lên bằng ngòi bút của mình thật chân thật và gần gũi biết bao.

2.3.2. Ngôn ngữ của nhân vật

Người Nam Bộ bản tính thật thà nên nói năng cũng bộc trực, thẳng thắn, không ưa ụp mớ, lòng vòng. Thế nhưng, đôi lúc vì hoàn cảnh, có những điều người ta cũng khó thốt thành lời. Trong xã hội mà đồng tiền có thể đè bẹp những người nghèo thì họ chỉ biết cắn răng cam chịu. Gia đình anh Cai tuần Bưởi không thể phản ứng lại cậu Hai Nghĩa vì nhà hắn giàu và có thế lực. Cái tội nghèo đã để cho cô Tư Lưu phải mang một cái thai vô thừa nhận, ngay cả việc nói ra điều đó cũng rất khó khăn: "*Thị Tỏ nhai trầu nhóc nhách, với tay lấy gói thuốc của chồng mở ra riết một miếng mà xia, rồi ngò chồng cười mơn mà hỏi:*

- *Mình đi ghe về xưa rày, mình có hay giống gi không?*
- *Không, có hay giống gi đâu.*
- Thị Tỏ cười, ngoài tay xia thuốc một hồi nữa, rồi mới hỏi lớn tiếng rằng:*
- *Vậy chớ mình mình không thấy cậu Hai khác hơn mọi lần sao?*
- *Cậu Hai nào?*
- *Cậu Hai con bà Cai chứ cậu Hai nào.*
- *Ờ. Tưởng mình nói cậu Hai nào chớ, ai mà dè đâu. Cậu Hai thì cũng vậy chứ khác giống gi?*
- *Xưa rày mình gặp cậu, vậy chớ cậu có nói gì hay không?*
- *Không, có nói giống gi đâu!* [2; 10 -11]



Đoạn đối thoại mang đậm chất Nam Bộ do rất nhiều từ địa phương: *nhóc nhách, rứt, xia, ngó, cười mon, giống gì, chớ, ở, ai mà dè...*

Hay khi Cai tuần Bưởi biết chuyện, anh cay đắng:

"- *Cậu là bực giàu sang, cậu chơi qua đường rồi cậu bỏ, chớ phải cậu đem nó về làm bẻ làm mon gì đó hay sao.*

- *Bà sao được. Bà là hồi mới kia, chớ nó có thai có nghén rồi mà bà nỡ gì.*

Cai tuần Bưởi vùng ngồi dậy, ngó vợ trằn trằn mà hơi rùng:

Con Lữ có chửa rồi hay sao? [2; 14]

"Cổ chửa" là một cách nói khác của hiện tượng mang thai nhưng nghe thật nôm na, có khi nặng nề, chỉ trong sinh hoạt bình thường người ta mới nói như thế. Bên cạnh đó, lời của nhân vật Cu cũng được khai thác một cách độc đáo, tuy đơn giản nhưng chứa ca một tấm lòng: "*Tôi không cười được cô Tư Lữ thì tôi không thêm cười con ai hết, mà chắc là cùng họ xứ này tôi đi, còn ở đây nữa mà làm gì. Xin anh Hai chị Hai làm ơn nói giùm lại với cô Tư Lữ, không biết duyên trời định khiến làm sao mà tôi thương tôi lung lẫm.*" [2; 22]. Quả là lời lẽ chân tình của người con trai quen chốn ruộng đồng, không hề xa hoa, trau chuốt, nghi sao nói vậy. Hay qua cuộc nói chuyện giữa quan kinh lý Hai với cô Ba Nhân, ta cũng thấy được cách ăn nói chân quê, quen thuộc với những từ khẩu ngữ thông dụng:

"- *Bà hỏi thiệt khó cho tôi trả lời quá. Bà hỏi chi vậy?*

- *Ấy, tôi muốn biết một chút quan Kinh lý trả lời rồi tôi sẽ nói chuyện cho mà nghe.*

- *Tôi không hiểu chi hết, mà tôi cũng xin bà đừng nói chuyện chi nữa hết. Tôi xin từ ông bà tôi đi về.*

- *Khoan đã. Xin quan Kinh lý ngồi nán lại cho tôi nói vài lời. Anh Hội đồng anh cũng biết rồi, anh nghĩ lại.*" [2; 341]

Phương ngữ Nam Bộ biểu hiện sức gọi tả rất lớn nên từng lời vẫn được tuồn ra sinh động và rất thực, nhất là khi Hồ Biểu Chánh miêu tả phong cảnh thôn quê bằng vốn từ này. Ngoài ra, cuộc sống lao động vất vả của người nông dân cũng được hiện lên rõ nét trong tác phẩm của ông. Đó còn là cuộc sống của những con người chịu sức ép từ tầng lớp địa chủ, ngay cả cách xưng hô cũng nói lên điều đó. Hình ảnh Cai tuần Bưởi ke re cơm róm trước mặt bà Cai tổng Hiếu:

"- *Mày là thằng Bưởi phải không?*

- *Dạ, bẩm bà, phải.*

- *Di đâu đó?*

- *Dạ, tôi lên xóm có chuyện, nên ghé thăm bà với cậu Hai vợ Hai.*

- *Lúa mày năm nay khỏe không?*

- *Dạ, bẩm bà khá.*

- *Nè, năm nay đông lúa phải gié cho thiệt sạch, chớ đừng có làm dơ như năm ngoài mùa đã.*

Tao nghe vợ Hai mày nói hồi năm ngoài mùa đông lúa dơ vậy.

- *Dạ, bẩm bà lúa ruộng tôi đâu có dùm làm dơ.*

- *Ừ, phải liệu lấy, nếu mày dè người, tao biển nó lấy ruộng lại cho người khác mượn, rồi không có cơm ăn thì chịu đã.*" [2; 31]

Cách xưng hô phân rõ chủ - tớ, giàu - nghèo: *mày - tao, bà - tôi* và các từ: *dạ, bẩm bà* thể hiện rõ sự phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo sâu sắc.



Hay cách xưng hô thân mật *qua - em* nghe thật chân tình, thân thuộc:

" - Qua không giàu em làm chi. Qua mắc đi ghe mấy tháng. cậu Hai Nghia ở nhà tôi về vẫn nó. nó đại nên nó lấy cậu đã có chữa rồi."

Nét tinh cách chân thành, thiết tình trong giao tiếp của người Nam Bộ được Hồ Biểu Chánh khai thác một cách triệt để và hiệu quả.

3. Kết luận

Nhìn chung, phương ngữ Nam Bộ là một dạng từ ngữ địa phương của vùng đất Nam Bộ. Nó thể hiện cách nói, cách sử dụng từ ngữ, kiểu phát âm riêng của con người nơi đây. Phương ngữ Nam Bộ còn là nơi chứa đựng các yếu tố văn hóa, phong tục tập quán, sinh hoạt xã hội của con người và vùng đất nơi đây. Qua các tác phẩm của mình nói chung, "Con nhà nghèo" nói riêng, Hồ Biểu Chánh có thể được coi là người đã kế thừa tốt những giá trị đặc trưng của ngôn ngữ Nam Bộ, và trong chừng mực nào đó, ông đã góp phần làm giàu, làm đẹp thêm cho sức sống mãnh liệt của kho tàng ngôn ngữ của vùng đất mà ông đã cất tiếng khóc chào đời.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Hồ Biểu Chánh (1999), *Con nhà nghèo* (tái bản), NXB Văn nghệ TPHCM.
- [2]. Hoàng Thị Châu (2004), *Phương ngữ học tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3]. Huỳnh Công Tín (2009), *Từ điển từ ngữ Nam Bộ*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Văn Ái (1994) (chủ biên), *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, NXB TP HCM.
- [5]. Nguyễn Như Ý, Đặng Ngọc Lệ, Lê Xuân Thành (2001), *Từ điển đối chiếu từ địa phương*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [6]. Trần Thị Ngọc Lang (1995), *Phương ngữ Nam bộ: Những khác biệt về từ vựng - ngữ nghĩa so với phương ngữ Bắc bộ*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [7]. Trần Thị Ngọc Lang (2005), *Một số vấn đề về phương ngữ xã hội*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Ngày nhận: 06/01/2019

Ngày duyệt đăng: 04/5/2019